

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO

Chương 622 loại 490 khoản 492

Mã số ĐVQHNS: 1029627

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

QUYẾT TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN & DỊCH VỤ NĂM HỌC 2019 - 2020

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
A	Dư năm học 2018-2019 chuyển sang	13.619.082	
1	Tiền ăn	33.688	Tiền chất đốt
2	Tiền quản lý trông trưa	3.814	
3	Tiền CP hoạt động vệ sinh chung	13.581.580	
B	Nội dung thu	7.984.555.050	
I	Khoản thu thỏa thuận	4.333.336.050	
1	Tiền ăn cơm xuất: 20.000đ/suất	3.116.560.180	1.582 hs
2	Tiền quản lý trông trưa: 5.000đ/suất	782.924.840	1.582 hs
3	Tiền điện phục vụ HS ăn nghỉ bán trú: 191đ/suất	29.157.334	1.582 hs
4	Tiền các vật dụng tiêu hao: 309đ/suất	48.743.696	1.582 hs
5	Tiền CP hoạt động vệ sinh chung: 10.000đ/hs/Tháng	169.880.000	1.885 hs
6	Tiền nước uống Khối 1: 9.000đ/hs/T, Khối 2: 10.000đ/hs/T, Khối 3,4,5: 12.000đ/h	186.070.000	1.892 hs
II	Khoản thu dịch vụ	3.651.219.000	
1	Tiền tiền tiếng anh tăng cường: 33.500đ/HS/tiết	2.471.027.000	1.426 hs
2	Tiền kỹ năng sống 16.000đ/hs/tiết	1.180.192.000	1.426 hs
C	Nội dung chi	7.993.711.878	
I	Khoản chi thỏa thuận	4.342.492.878	
1	Tiền ăn:	3.116.560.000	
	Trả tiền cơm suất	3.101.980.000	
	Chuyển khoản trả lại phụ huynh tiền HS nghỉ ốm	14.580.000	
2	Tiền quản lý trông trưa	782.442.062	
3	Tiền điện phục vụ HS ăn nghỉ bán trú	29.157.334	
4	Tiền các vật dụng tiêu hao	48.743.696	
5	Tiền CP hoạt động vệ sinh chung:	183.461.580	
	Chi trả thuê lao công dọn VS+ đồ dùng VS	155.081.580	
	Trả lại phụ huynh Hs 1,5 tháng nghỉ dịch covid 19: 10.000đ/hs	28.380.000	
6	Tiền nước uống học sinh	182.128.206	
	Mua nước uống (4.264 bình)	119.381.606	28.000đ/bình
	Lương phục vụ; (4.300.000đ/tháng)	31.663.600	
	Trả lại phụ huynh Hs 1,5 tháng nghỉ dịch covid 19 (K1: 13.500đ/hs, K2: 15.000đ/hs, K3,4,5: 18.000đ/hs)	31.083.000	



II	Khoản chi dịch vụ	3.651.219.000	
1	Tiền tiền tiếng anh tăng cường	2.471.027.000	
1.1	Chi trả cho giáo viên trợ giảng	108.948.316	
1.2	Chi Quản lí của Ban giám hiệu	60.596.250	
1.3	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	20.556.250	
1.4	Kế toán	15.142.000	
1.5	Thủ quỹ	15.142.000	
1.6	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	19.686.170	
1.7	Chi tiền nước uống	16.736.869	
1.8	Chi tiền vệ sinh lớp học	33.900.000	
1.9	Khấu hao tài sản	60.637.260	
1.10	Chi hoạt động chuyên môn	12.821.345	
1.11	Chi khác (Thuế môn bài)	4.690.000	
1.12	Chi trả cơ sở liên kết	2.052.750.000	
1.13	Thuế (2%)	49.420.540	
2	Tiền kỹ năng sống	1.180.192.000	0
2.1	Chi Quản lí của Ban giám hiệu	60.596.250	
2.2	Chi cho giáo viên chủ nhiệm	20.556.250	
2.3	Kế toán	15.142.000	
2.4	Thủ quỹ	15.142.000	
2.5	Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt	32.856.020	
2.6	Chi tiền nước uống	21.749.064	
2.7	Chi tiền vệ sinh lớp học	33.900.000	
2.8	Khấu hao tài sản	63.250.000	
2.9	Chi hoạt động chuyên môn	9.429.640	
2.10	Chi khác (Thuế môn bài)	4.216.936	
2.11	Chi trả cơ sở liên kết	879.750.000	
2.12	Thuế (2%)	23.603.840	
D	Số tiền tồn chuyển sang học C năm học 2020-2021	4.462.254	
I	Khoản thu thỏa thuận	4.462.254	
1	Tiền ăn	33.868	Tồn tiền chất đốt năm học 18-19
2	Tiền quản lý trông trưa	486.592	
3	Tiền nước uống học sinh	3.941.794	

Ngày 31 tháng 08 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
TRẦN HƯNG ĐẠO
LÊ THỊ THANH HƯƠNG